

<p>32. Đại Kinh Rừng Sừng Bò</p>	<p>32. The Greater Discourse in Gosinga (Mahāgosinga Sutta)</p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: TT. Thích Nhật Từ)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: Bhikkhu Bodhi)</p>
<p>32. Đại kinh Rừng sừng bò (P. <i>Mahāgosīṅgasuttam</i>, H. 牛角林大經) tương đương <i>Ngưu giác Sa-la lâm kinh</i>.³⁵ Bài kinh ghi lại kinh nghiệm chia sẻ pháp môn hành trì của một số Tôn giả lớn thời Phật, liên hệ đến tiêu chí về hành giả chói sáng và pháp môn chói sáng nhất. Thông qua đó, đức Phật khẳng định, hành giả nhỏ sạch gốc rễ các lậu hoặc mới xứng danh là người tu lý tưởng nhất. Pháp môn chói sáng nhất là pháp môn có khả năng chuyển hóa toàn bộ lậu hoặc, giúp cho người phạm chúng đắc Thánh quả.</p>	<p>32. Mahāgosinga Sutta: The Greater Discourse in Gosinga. On a beautiful moonlit night a number of senior disciples meet together in a sāla-tree wood and discuss what kind of bhikkhu could illuminate the wood. After each has answered according to his personal ideal, they go to the Buddha, who provides his own answer.</p>
<p>Việt Dịch từ Pāli: HT. Thích Minh Châu</p>	<p>English Translation from Pāli: Bhikkhu Ñāṇamoli & Bhikkhu Bodhi</p>
<p>Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại khu vườn trong rừng Gosinga có nhiều cây sa-la cùng với một số đông Thượng Tọa đệ tử nổi tiếng như Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) Tôn giả Mahā Moggallāna (Đại Mục-kiền-liên), Tôn giả Mahā Kassapa (Đại Ca-diếp), Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà), Tôn giả Revata (Ly-bà-đa), Tôn giả Ānanda (A-nan) cùng với một số Thượng Tọa đệ tử nổi tiếng khác.</p> <p>Rồi Tôn giả Mahā Moggallāna vào buổi chiều, sau khi tham thiền đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả Mahā Kassapa ở, sau khi đến bèn nói với Tôn giả Mahā Kassapa:</p> <p>-- Hiền giả Kassapa, chúng ta hãy đến chỗ Tôn giả</p>	<p>[212] 1. THUS HAVE I HEARD. On one occasion the Blessed One was living in the Park of the Gosinga Sāla-tree Wood together with a number of very well-known elder disciples — the venerable Sāriputta, the venerable Mahā Moggallāna, the venerable Mahā Kassapa, the venerable Anuruddha, the venerable Revata, the venerable Ānanda, and other very well known elder disciples.</p> <p>2. Then, when it was evening, the venerable Mahā Moggallāna rose from meditation, went to the venerable Mahā Kassapa, and said to him:</p> <p>“Friend Kassapa, let us go to the venerable Sāriputta to</p>

Sāriputta để nghe pháp.

-- Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Mahā Kassapa vâng đáp Tôn giả Mahā Moggallāna. Rồi Tôn giả Mahā Moggallāna, Tôn giả Mahā Kassapa và Tôn giả Anuruddha đi đến chỗ Tôn giả Sāriputta để nghe pháp.

Tôn giả Ānanda thấy Tôn giả Mahā Moggallāna, Tôn giả Mahā Kassapa và Tôn giả Anuruddha đi đến chỗ Tôn giả Sāriputta để nghe pháp, sau khi thấy vậy liền đi đến chỗ Tôn giả Revata và nói với Tôn giả Revata:

-- Này Hiền giả Revata, các bậc Thượng nhân như vậy đã đến chỗ Tôn giả Sāriputta để nghe pháp. Này Hiền giả Revata, chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả Sāriputta để nghe pháp.

-- Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Revata vâng đáp Tôn giả Ānanda. Rồi Tôn giả Revata và Tôn giả Ānanda đi đến chỗ Tôn giả Sāriputta để nghe pháp.

Tôn giả Sāriputta thấy Tôn giả Revata, Tôn giả Ānanda từ xa đi đến, sau khi thấy bèn nói với Tôn giả Ānanda:

-- Tôn giả Ānanda hãy đến đây, thiện lai, Tôn giả Ānanda, vị thị giả Thế Tôn, vị hầu cận Thế Tôn.

Này Hiền giả Ānanda, khả ái thay khu rừng Gosinga! Đêm rằm sáng trăng, cây sa-la nở hoa cùng khắp, hương trời như được tỏa rộng khắp nơi.

listen to the Dhamma.”

— “Yes, friend,” the venerable Mahā Kassapa replied. Then the venerable Mahā Moggallāna, the venerable Mahā Kassapa, and the venerable Anuruddha went to the venerable Sāriputta to listen to the Dhamma.

3. The venerable Ānanda saw them going to the venerable Sāriputta to listen to the Dhamma. Thereupon he went to the venerable Revata and said to him:

“Friend Revata, those true men are going to the venerable Sāriputta to listen to the Dhamma. Let us also go to the venerable Sāriputta to listen to the Dhamma.”

— “Yes, friend,” the venerable Revata replied. Then the venerable Revata and the venerable Ānanda went to the venerable Sāriputta to listen to the Dhamma.

4. The venerable Sāriputta saw the venerable Revata and the venerable Ānanda coming in the distance and said to the venerable Ānanda:

“Let the venerable Ānanda come, welcome to the venerable Ānanda, the Blessed One’s attendant, who is always in the Blessed One’s presence.

Friend Ānanda, the Gosinga Sāla-tree Wood is delightful, the night is moonlit, the sāla trees are all in blossom, and heavenly scents seem to be floating in the air.

Này Hiền giả Ānanda, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm chói sáng khu rừng Gosinga?

-- Ở đây, này Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo nghe nhiều, gìn giữ điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe.

Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, nói lên phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh, những pháp ấy được vị ấy nghe nhiều và gìn giữ kỹ, được lập lại lớn tiếng, được ý tư duy, được tri kiến khéo quán sát;

vị ấy thuyết pháp cho bốn hội chúng với văn cú viên dung, lưu loát, với mục đích đoạn trừ mọi tùy miên.

Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Revata:

-- Này Hiền giả Revata, Tôn giả Ānanda đã trả lời theo sự giải thích của mình.

Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Revata: Này Hiền giả Revata, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)...

Này Hiền giả Revata, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?

-- Ở đây, này Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo ưa thích đời

What kind of bhikkhu, friend Ānanda, could illuminate the Gosinga Sāla-tree Wood?”

“Here, friend [213] Sāriputta, a bhikkhu has learned much, remembers what he has learned, and consolidates what he has learned.

Such teachings as are good in the beginning, good in the middle, and good in the end, with the right meaning and phrasing, and which affirm a holy life that is utterly perfect and pure — such teachings as these he has learned much of, remembered, mastered verbally, investigated with the mind, and penetrated well by view.

And he teaches the Dhamma to the four assemblies with well-rounded and coherent statements and phrases for the eradication of the underlying tendencies.³⁵⁷

That kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood.”

5. When this was said, the venerable Sāriputta addressed the venerable Revata thus:

“Friend Revata, the venerable Ānanda has spoken according to his own inspiration.³⁵⁸

Now we ask the venerable Revata: Friend Revata, the Gosinga Sāla-tree Wood is delightful, the night is moonlit, the sāla trees are all in blossom, and heavenly scents seem to be floating in the air.

What kind of bhikkhu, friend Revata, could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood?”

“Here, friend Sāriputta, a bhikkhu delights in solitary

sống tịnh cư, vui thú đời sống tịnh cư, nội tâm tu pháp, tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, luôn luôn lui tới các chỗ không tịch.

Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Anuruddha:

-- Này Hiền giả Anuruddha, Tôn giả Revata đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Anuruddha: Này Hiền giả Anuruddha, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)...

Này Hiền giả Anuruddha, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?

-- Ở đây, này Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo, với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhiên, quán sát ngàn thế giới.

Này Hiền giả Sāriputta, ví như một người có mắt lên trên đỉnh một ngôi lầu tốt đẹp, quán sát một ngàn đường vòng xung quanh. Cũng vậy, này Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo, với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhiên, quán sát ngàn thế giới.

Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Mahā Kassapa:

-- Này Hiền giả Kassapa, Tôn giả Anuruddha đã trả lời

meditation and takes delight in solitary meditation; he is devoted to internal serenity of mind, does not neglect meditation, possesses insight, and dwells in empty huts.³⁵⁹

That kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood.”

6. When this was said, the venerable Sāriputta addressed the venerable Anuruddha thus:

“Friend Anuruddha, the venerable Revata has spoken according to his own inspiration. Now we ask the venerable Anuruddha: Friend Anuruddha, the Gosinga Sāla-tree Wood is delightful...”

What kind of bhikkhu, friend Anuruddha, could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood?”

“Here, friend Sāriputta, with the divine eye, which is purified and surpasses the human, a bhikkhu surveys a thousand worlds.

Just as a man with good sight, when he has ascended to the upper palace chamber, might survey a thousand wheel-rims, so too, with the divine eye, which is purified and surpasses the human, a bhikkhu surveys a thousand worlds.³⁶⁰

That kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood.”

7. When this was said, the venerable Sāriputta addressed the venerable Mahā Kassapa thus:

“Friend Kassapa, the venerable Anuruddha has spoken

theo sự giải thích của mình.

Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Kassapa: Nay Hiền giả Kassapa, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)...

Nay Hiền giả Kassapa, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?

-- Ở đây, nay Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo, tự mình sống ở rừng núi và tán thán đời sống ở rừng núi,

tự mình sống khát thực, và tán thán đời sống khát thực,

tự mình mặc y phẩn tảo và tán thán hạnh mặc y phẩn tảo, tự mình sống với ba y và tán thán hạnh ba y,

tự mình sống thiểu dục và tán thán hạnh thiểu dục,

tự mình sống biết đủ và tán thán hạnh biết đủ,

tự mình sống độc cư và tán thán hạnh sống độc cư,

tự mình sống không nhiễm thế tục và tán thán hạnh không nhiễm thế tục,

tự mình tinh cần, tinh tấn và tán thán hạnh tinh cần, tinh tấn,

tự mình thành tựu giới hạnh và tán thán sự thành tựu giới hạnh,

according to his own inspiration.

Now we ask the venerable Mahā Kassapa: Friend Kassapa, the Gosinga Sāla-tree Wood is delightful...

What kind of bhikkhu, friend Kassapa, [214] could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood?"

"Here, friend Sāriputta, a bhikkhu is a forest dweller himself and speaks in praise of forest dwelling;

he is an almsfood eater himself and speaks in praise of eating almsfood;

he is a refuse-rag wearer himself and speaks in praise of wearing refuse-rag robes; he is a triple-robe wearer himself and speaks in praise of wearing the triple robe;³⁶¹

he has few wishes himself and speaks in praise of fewness of wishes;

he is content himself and speaks in praise of contentment;

he is secluded himself and speaks in praise of seclusion;

he is aloof from society himself and speaks in praise of aloofness from society;

he is energetic himself and speaks in praise of arousing energy;

he has attained to virtue himself and speaks in praise of the attainment of virtue;

tự mình thành tựu Thiền định và tán thán sự thành tựu thiền định,

tự mình thành tựu trí tuệ và tán thán sự thành tựu trí tuệ,

tự mình thành tựu giải thoát và tán thán sự thành tựu giải thoát,

tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và tán thán sự thành tựu giải thoát tri kiến.

Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói Tôn giả Mahā Moggallāna:

-- Hiền giả Moggallāna, Tôn giả Mahā Kassapa đã trả lời theo sự giải thích của mình.

Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Mahā Moggallāna: Này Hiền giả Moggallāna, khả ái thay khu rừng Gosinga!...

Này Hiền giả Moggallāna, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?

-- Ở đây, này Hiền giả Sāriputta, hai Tỷ-kheo đàm luận về Abhidhamma (A-tỳ-đàm). Các vị ấy hỏi nhau câu hỏi, và khi được hỏi, các vị trả lời được với nhau chớ không dừng lại vì không trả lời được, và cuộc đàm luận về pháp được tiếp tục.

Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?"

he has attained to concentration himself and speaks in praise of the attainment of concentration;

he has attained to wisdom himself and speaks in praise of the attainment of wisdom;

he has attained to deliverance himself and speaks in praise of the attainment of deliverance;

he has attained to the knowledge and vision of deliverance himself and speaks in praise of the attainment of the knowledge and vision of deliverance.

That kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood."

8. When this was said, the venerable Sāriputta addressed the venerable Mahā Moggallāna thus:

"Friend Moggallāna, the venerable Mahā Kassapa has spoken according to his own inspiration.

Now we ask the venerable Mahā Moggallāna: Friend Moggallāna, the Gosinga Sāla-tree Wood is delightful...

What kind of bhikkhu, friend Moggallāna, could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood?"

"Here, friend Sāriputta, two bhikkhus engage in a talk on the higher Dhamma³⁶² and they question each other, and each being questioned by the other answers without foundering, and their talk rolls on in accordance with the Dhamma.

That kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood."

Rồi Tôn giả MahāMoggallāna nói với Tôn giả Sāriputta:
-- Hiền giả Sāriputta, chúng tôi đã trả lời theo sự giải thích của chúng tôi.

Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Sāriputta: Nay Hiền giả Sāriputta, khả ái thay, khu rừng Gosinga! Đêm rằm sáng trăng, cây sa-la trở hoa cùng khắp, hương trời như được tỏa rộng khắp nơi.

Nay Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?"

-- Ở đây, nay Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều phục được tâm.

An trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều.

Hiền giả Moggallāna, ví như một vị vua hay vị đại thần của vua có một tủ áo đựng đầy những áo có nhiều màu sắc khác nhau.

Cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi sáng, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi sáng; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi trưa, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi trưa; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi chiều, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi chiều.

Cũng vậy, nay Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều phục được tâm.

An trú quả nào Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị

9. When this was said, the venerable Mahā Moggallāna addressed the venerable Sāriputta thus: "Friend Sāriputta, we have all spoken according to our own inspiration.

Now we ask the venerable Sāriputta: Friend Sāriputta, the Gosinga Sāla-tree Wood is delightful, the night is moonlit, the sāla trees are all in blossom, and heavenly scents seem to be floating in the air.

What kind of bhikkhu, friend Sāriputta, could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood?"

"Here, friend Moggallāna, a bhikkhu wields mastery over his mind, he does not let the mind wield mastery over him.

In the morning he abides in whatever abiding or attainment he wants [215] to abide in during the morning; at midday he abides in whatever abiding or attainment he wants to abide in at midday; in the evening he abides in whatever abiding or attainment he wants to abide in during the evening.

Suppose a king or a king's minister had a chest full of variously coloured garments.

In the morning he could put on whatever pair of garments he wanted to put on in the morning; at midday he could put on whatever pair of garments he wanted to put on at midday; in the evening he could put on whatever pair of garments he wanted to put on in the evening.

So too, a bhikkhu wields mastery over his mind, he does not let the mind wield mastery over him.

In the morning... at midday... in the evening he abides in

ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều.

Này Hiền giả Moggallāna, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Rồi Tôn giả Sāriputta nói với các Tôn giả ấy:

-- Này chư Hiền, chúng ta đã trả lời theo sự giải thích của chúng ta. Chư Hiền, chúng ta hãy đi đến chỗ Thế Tôn ở và thuật lại vấn đề này cho Thế Tôn rõ. Thế Tôn trả lời chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

- Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tôn giả ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Rồi những Tôn giả ấy đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, Tôn giả Revata và Tôn giả Ānanda đến tại chỗ con ở để nghe pháp. Bạch Thế Tôn, con thấy Tôn giả Revata và Tôn giả Ānanda từ xa đi đến; thấy vậy, con nói với Tôn giả Ānanda:

"-- Tôn giả Ānanda, hãy đến đây, thiện lai Tôn giả Ānanda, vị thị giả Thế Tôn, vị hầu cận Thế Tôn. Này Hiền giả Ānanda, khả ái thay khu rừng Gosinga! Đêm rằm sáng trăng, cây sa-la trở hoa cùng khắp, hương trời như được tỏa rộng khắp nơi.

Này Hiền giả Ānanda, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng

whatever abiding or attainment he wants to abide in during the evening.

That kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood."

10. Then the venerable Sāriputta addressed those venerable ones thus:

"Friends, we have all spoken according to our own inspiration. Let us go to the Blessed One and report this matter to him. As the Blessed One answers, so let us remember it."

— "Yes, friend," they replied. Then those venerable ones went to the Blessed One, and after paying homage to him, they sat down at one side. The venerable Sāriputta said to the Blessed One:

11. "Venerable sir, the venerable Revata and the venerable Ānanda came to me to listen to the Dhamma. I saw them coming in the distance and [216] said to the venerable Ānanda:

'Let the venerable Ānanda come, welcome to the venerable Ānanda... Friend Ānanda, the Gosinga Sāla-tree Wood is delightful...

What kind of bhikkhu, friend Ānanda, could illuminate this

chói khu rừng Gosinga? ”

Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy, Tôn giả Ānanda trả lời với con như sau:

"-- Ở đây, Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo nghe nhiều, gìn giữ điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe. Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, nói lên phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh, những pháp ấy được vị ấy nghe nhiều và gìn giữ kỹ, được lập lại lớn tiếng, được ý tư duy, được tri kiến khéo quán sát. Vị ấy thuyết pháp cho bốn hội chúng với văn cú viên dung, lưu loát, với mục đích đoạn trừ mọi tùy miên.

Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga."

-- Lành thay, lành thay, Sāriputta! Nếu trả lời cho được chân chánh, Ānanda phải trả lời như vậy. Này Sāriputta, Ānanda là bậc đa văn, gìn giữ điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe.

Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, nói lên phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh, những pháp ấy được vị ấy nghe nhiều và gìn giữ kỹ, được lập lại lớn tiếng, được ý tư duy, được tri kiến khéo quán sát.

Vị ấy thuyết pháp cho bốn hội chúng, với văn cú viên dung lưu loát, với mục đích đoạn trừ mọi tùy miên.

-- Bạch Thế Tôn khi nghe nói vậy, con nói với Tôn giả Revata:

Gosinga Sāla-tree Wood?’

When asked, venerable sir, the venerable Ānanda replied:

‘Here, friend Sāriputta, a bhikkhu has learned much... (as in §4)...

That kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood.’”

“Good, good, Sāriputta. Ānanda, speaking rightly, should speak just as he did. For Ānanda has learned much, remembers what he has learned, and consolidates what he has learned.

Such teachings as are good in the beginning, good in the middle, and good in the end, with the right meaning and phrasing, and which affirm a holy life that is utterly perfect and pure — such teachings as these he has learned much of, remembered, mastered verbally, investigated with the mind, and penetrated well by view.

And he teaches the Dhamma to the four assemblies with well-rounded and coherent statements and phrases for the eradication of the underlying tendencies.”

12. “When this was said, venerable sir, I addressed the venerable Revata thus:

"-- Này Hiền giả Revata, Tôn giả Ānanda, đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Revata:

"-- Này Hiền giả Revata, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)... Này Hiền giả Revata, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?"

"-- Ở đây, này Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo ưa thích đời sống tịnh cư, vui thú đời sống tịnh cư, nội tâm tu tập tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, luôn luôn lui tới các chỗ không tịch.

Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo này có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga".

-- Lành thay, lành thay, Sāriputta! Nếu trả lời cho được chân chánh, Revata phải trả lời như vậy.

Này Sāriputta, Revata ưa thích đời sống tịnh cư, vui thú đời sống tịnh cư, nội tâm tu tập tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, luôn luôn lui tới các chỗ không tịch.

-- Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, con nói với Tôn giả Anuruddha như sau:

"-- Này Hiền giả Anuruddha, Tôn giả Revata đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Anuruddha:

"-- Này Hiền giả Anuruddha, khả ái thay ngôi rừng Gosinga... (như trên)... Này Hiền giả Anuruddha, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?"

‘Friend Revata... What kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood?’ And the venerable Revata replied:

‘Here, friend Sāriputta, a bhikkhu delights in solitary meditation... (as in §5)...

That kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood.”

“Good, good, Sāriputta. Revata, speaking rightly, should speak just as he did.

For Revata delights in solitary meditation, takes delight in solitary meditation, is devoted to internal serenity of mind, does not neglect meditation, possesses insight, and dwells in empty huts.” [217]

13. “When that was said, venerable sir, I addressed the venerable Anuruddha thus:

‘Friend Anuruddha... What kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood?’

Bạch Thế Tôn, được nói vậy, Tôn giả Anuruddha nói với con:

"-- Này Hiền giả Sāriputta, ở đây, Tỷ-kheo với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhiên, quán sát ngàn thế giới. Này Hiền giả Sāriputta, ví như một người có mắt, lên trên đỉnh một ngôi lầu tốt đẹp rồi quán sát một ngàn đường vòng xung quanh. Cũng vậy, này Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhiên quán sát ngàn thế giới.

Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga".

-- Lành thay, lành thay, Sāriputta! Nếu trả lời cho được chân chánh, Anuruddha phải trả lời như vậy. Này Sāriputta, chính Anuruddha với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhiên quán sát ngàn thế giới.

-- Bạch Thế Tôn, được nói vậy, con nói với Tôn giả Mahā Kassapa:

"-- Này Hiền giả Kassapa, Tôn giả Anuruddha đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Kassapa:

"-- Khả ái thay ngôi rừng Gosinga!... (như trên)... Này Hiền giả Kassapa, hạng Tỷ-kheo nào làm sáng chói khu rừng Gosinga?"

Bạch Thế Tôn, được nói vậy, Tôn giả Mahākassapa nói với con:

"-- Ở đây, này Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo tự mình sống ở rừng núi và tán thán đời sống ở rừng núi, tự mình sống

And the venerable Anuruddha replied: 'Here, friend Sāriputta, with the divine eye... (as in §6)...

That kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood."

"Good, good, Sāriputta. Anuruddha, speaking rightly, should speak just as he did. For with the divine eye, which is purified and surpasses the human, Anuruddha surveys a thousand worlds."

14. "When this was said, venerable sir, I addressed the venerable Mahā Kassapa thus:

'Friend Kassapa... What kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood?'

And the venerable Mahā Kassapa replied:

'Here, friend Sāriputta, a bhikkhu is a forest-dweller himself... (as in §7)...

khất thực và tán thán đời sống khất thực, tự mình mặc y phần tảo và tán thán hạnh mặc y phần tảo, tự mình sống với ba y và tán thán hạnh ba y, tự mình sống thiếu dục và tán thán hạnh thiếu dục, tự mình sống biết đủ và tán thán hạnh biết đủ, tự mình sống độc cư và tán thán hạnh độc cư, tự mình sống không nhiễm thế tục và tán thán hạnh không nhiễm thế tục, tự mình tinh cần, tinh tấn và tán thán hạnh tinh cần, tinh tấn, tự mình thành tựu giới hạnh và tán thán sự thành tựu giới hạnh, tự mình thành tựu thiền định và tán thán sự thành tựu thiền định, tự mình thành tựu trí tuệ và tán thán sự thành tựu trí tuệ, tự mình giải thoát và tán thán sự thành tựu giải thoát, tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và tán thán sự thành tựu giải thoát tri kiến.

Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo ấy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga."

-- Lành thay Sāriputta! Nếu trả lời cho được chân chánh, Kassapa phải trả lời như vậy.

Này Sāriputta, Kassapa tự mình sống ở rừng núi và tán thán đời sống ở rừng núi... tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và tán thán sự thành tựu giải thoát tri kiến.

-- Bạch Thế Tôn, được nói vậy, con nói với Tôn giả Mahā Moggallāna:

"-- Hiền giả Moggallāna, Tôn giả Mahā Kassapa đã trả lời theo sự giải thích của mình. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Mahā Moggallāna:

"-- Này Hiền giả Moggallāna, khả ái thay khu rừng Gosinga!... Này Hiền giả Moggallāna, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?"

That kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood.'" [218]

"Good, good, Sāriputta. Kassapa, speaking rightly, should speak just as he did.

For Kassapa is a forest-dweller himself and speaks in praise of forest dwelling... he has attained to the knowledge and vision of deliverance himself and speaks in praise of the attainment of the knowledge and vision of deliverance."

15. "When this was said, venerable sir, I addressed the venerable Mahā Moggallāna thus:

'Friend Moggallāna... What kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood?'

Bạch Thế Tôn, được nói vậy, Tôn giả Mahā Moggallāna nói với con:

"-- Ở đây, này Hiền giả Sāriputta, hai Tỷ-kheo đàm luận về Abhidhamma (A-tỳ-đàm). Họ hỏi nhau câu hỏi, và khi được hỏi, họ trả lời được với nhau, chớ không dừng lại vì không trả lời được, và cuộc đàm luận về pháp của họ được tiếp tục.

Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga."

-- Lành thay Sāriputta! Nếu trả lời cho được chân chánh, Moggallāna phải trả lời như vậy. Này Sāriputta, Moggallāna là bậc thuyết về Chánh pháp.

Được nói vậy, Tôn giả Mahā Moggallāna bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, con nói với Tôn giả Sāriputta, như sau:

"-- Hiền giả Sāriputta, chúng tôi đã trả lời theo sự giải thích của chúng tôi. Ở đây, nay chúng tôi hỏi Tôn giả Sāriputta:

"-- Này Hiền giả Sāriputta, khả ái thay khu rừng Gosinga! Đêm rằm sáng trăng, cây sa-la trở hoa cùng khắp, hương trời như tỏa rộng khắp nơi.

Này Hiền giả Sāriputta, hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?"

-- Bạch Thế Tôn, được nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với

And the venerable Mahā Moggallāna replied:

'Here, friend Sāriputta, two bhikkhus engage in a talk on the higher Dhamma... (as in §8)...

That kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood.'

"Good, good, Sāriputta. Moggallāna, speaking rightly, should speak just as he did. For Moggallāna is one who talks on the Dhamma."

16. When that was said, the venerable Mahā Moggallāna told the Blessed One:

"Then, venerable sir, I addressed the venerable Sāriputta thus:

'Friend Sāriputta...
What kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood?'

And the venerable Sāriputta replied:

con:

"-- Ở đây, này Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều phục được tâm.

An trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều.

Hiền giả Moggallāna, ví như một vị vua hay vị đại thần của vua có một tủ áo đựng đầy những áo có nhiều màu sắc khác nhau.

Cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi sáng, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi sáng; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi trưa, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi trưa; cặp áo nào nhà vua muốn mặc vào buổi chiều, nhà vua mặc cặp áo ấy vào buổi chiều.

Cũng vậy, này Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo điều phục được tâm, không phải Tỷ-kheo không điều phục được tâm.

An trú quả nào Tỷ-kheo ấy muốn an trú vào buổi sáng, Tỷ-kheo ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều. Này Hiền giả Moggallāna, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?."

-- Lành thay, lành thay, Moggallāna! Nếu trả lời cho được chân chánh, Sāriputta phải trả lời như vậy. Này Moggallāna, Sāriputta điều phục được tâm, không phải Sāriputta không điều phục được tâm.

'Here, friend Moggallāna, a bhikkhu wields mastery over his mind... [219] (as in §9)...

That kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood."

"Good, good, Moggallāna. Sāriputta, speaking rightly, should speak just as he did. For Sāriputta wields mastery over his mind, he does not let the mind wield mastery over him.

An trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi sáng, vị ấy an trú quả ấy vào buổi sáng; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi trưa, vị ấy an trú quả ấy vào buổi trưa; an trú quả nào vị ấy muốn an trú vào buổi chiều, vị ấy an trú quả ấy vào buổi chiều.

Khi được nói vậy, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn: -- Bạch Thế Tôn, vị nào đã khéo trả lời (câu hỏi được đặt ra)?

-- Nay Sāriputta, tất cả đều lần lượt khéo trả lời. Và này các Ông hãy nghe Ta nói hạng Tỷ-kheo nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?

Ở đây, này Sāriputta, Tỷ-kheo, sau buổi ăn, sau khi đi khát thực về, ngồi kiết-già, lưng thẳng, đặt niệm trước mặt, và nghĩ rằng: "Ta sẽ không bỏ ngồi kiết-già này cho đến khi tâm của ta được khéo giải thoát các lậu hoặc, không có chấp thủ".

Này Sāriputta, hạng Tỷ-kheo như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tôn giả ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

In the morning he abides in whatever abiding or attainment he wants to abide in during the morning; at midday he abides in whatever abiding or attainment he wants to abide in at midday; in the evening he abides in whatever abiding or attainment he wants to abide in during the evening."

17. When this was said, the venerable Sāriputta asked the Blessed One: "Venerable sir, which of us has spoken well?"

"You have all spoken well, Sāriputta, each in his own way. Hear also from me what kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood.

Here, Sāriputta, when a bhikkhu has returned from his almsround, after his meal, he sits down, folds his legs crosswise, sets his body erect, and establishing mindfulness in front of him, resolves: 'I shall not break this sitting position until through not clinging my mind is liberated from the taints.'

That kind of bhikkhu could illuminate this Gosinga Sāla-tree Wood."³⁶³

That is what the Blessed One said. Those venerable ones were satisfied and delighted in the Blessed One's words.

Notes

The bracketed numbers [] embedded in the text refer to the page number of the Pali Text Society's edition of the *Majjhima Nikāya* (except for MN 92 and MN 98, wherein the numbers refer to the PTS edition of the *Sutta Nipāta*).

357. The four assemblies are those of bhikkhus, bhikkhunīs, men lay followers, and women lay followers. The seven underlying tendencies are enumerated at MN 18.8. Ven. Ānanda was declared by the Buddha to be the pre-eminent disciple among those who had learned much, and his discourses are said to have delighted the four assemblies (DN 16.5.16/ii.145).

358. *Yathā sakam paṭibhānam*. This phrase might also be rendered “according to his own intuition” or “according to his own ideal.” *Ñm* renders “as it occurs to him”; Horner, “according to his own capacity.”

359. Ven. Revata was declared the pre-eminent disciple among those who are meditators.

360. Ven. Anuruddha was the pre-eminent disciple among those who possessed the divine eye.

361. Mahā Kassapa was the pre-eminent disciple among those who observed the ascetic practices.

362. *Abhidhamma*. Though the word cannot refer here to the Piṭaka of that name—obviously the product of a phase of Buddhist thought later than the Nikāyas—it may well indicate a systematic and analytical approach to the doctrine that served as the original nucleus of the Abhidhamma Piṭaka. In a careful study of the contexts in which the word “Abhidhamma” occurs in the Sutta Piṭakas of several early recensions, the Japanese Pali scholar Fumimaro Watanabe concludes that the Buddha’s own disciples formed the conception of Abhidhamma as an elementary philosophical

study that attempted to define, analyse, and classify *dhammas* and to explore their mutual relations. See his *Philosophy and its Development in the Nikāyas and Abhidhamma*, pp. 34–36.

363. While the replies of the disciples hold up as the ideal a bhikkhu who has already achieved proficiency in a particular sphere of the renunciant life, the Buddha's reply, by focusing on a bhikkhu still striving for the goal, underscores the ultimate purpose of the holy life itself.